| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HÒA THÀNH**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Thuận.

2. Bà Võ Thị Trâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã C, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

*2. Bị đơn:* Anh Võ Thành T1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà D, khu phố E, thị trấn F, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà H, đường K, khu phố L, phường M, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày:***

Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh T1 không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chị T. Anh chị không sống chung vợ chồng từ tháng 11/2017 cho đến nay. Năm 2017, chị T có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1. Theo Bản án số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) thì không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1. Từ tháng 3/2018 cho đến nay, chị T và anh T1 vẫn không hàn gắn được tình cảm, không có sống chung vợ chồng. Hiện tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 chung sống có 02 con chung là Võ Phan Nhật A, sinh ngày 31/7/2011 và Võ Phan Nhật Q, sinh ngày 08/02/2015. Hiện hai con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh T1 có nợ ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị B (là cha mẹ ruột chị T) số tiền 210.000.000 đồng và nợ anh Phan Văn C, chị Nguyễn Thị Hồng H số tiền 130.000.000 đồng nhưng chị T sẽ tự thanh toán nợ cho ông Đ, bà B và anh C, chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Võ Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, giao cháu A và cháu Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị T nhận trả nợ ông Đ, bà B số tiền 210.000.000 đồng và nợ anh C, chị H số tiền 130.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Võ Thành T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Về thẩm quyền giải quyết: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh T1 có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số D, khu phố E, thị trấn F, huyện G, tỉnh

Tây Ninh nhưng nơi cư trú hiện nay của anh T1 là nhà số H, đường K, khu phố L, phường M, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]** Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 11/2017 đến nay. Qua lời trình bày của chị T thì mâu thuẫn chủ yếu giữa anh chị là do anh T1 không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè và đánh đập chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Ngoài ra, sau khi Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T (ngày 26/3/2018) đến nay thì anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**[4]** Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Võ Phan Nhật A, sinh ngày 31/7/2011 và Võ Phan Nhật Q, sinh ngày 08/02/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T thấy rằng: Cháu A có nguyện vọng sống với mẹ, cháu Q vẫn còn nhỏ, hai cháu đang sống ổn định cùng với mẹ. Vì vậy, để tránh làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt của hai cháu nên cần giao hai cháu cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**[5]** Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[6]** Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày chị và anh T1 có nợ ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị B số tiền 210.000.000 đồng và nợ anh Phan Văn C, chị Nguyễn Thị Hồng H số tiền 130.000.000 đồng nhưng chị T sẽ tự thanh toán nợ cho ông Đ, bà B và anh C, chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Qua làm việc, ông Đ, bà B và anh C, chị H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết về các khoản nợ trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

**[7]** Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**[8]** Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Cẩm T đối với anh Võ Thành T1. Chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Thành T1.

**2.** Về con chung: Giao cháu Võ Phan Nhật A, sinh ngày 31/7/2011 và cháu Võ Phan Nhật Q, sinh ngày 08/02/2015 cho chị Phan Thị Cẩm T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Phan Thị Cẩm T không yêu cầu anh Võ Thành T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Võ Thành T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung: Chị Phan Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về nợ chung: Chị Phan Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009113 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

**6.** Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Hồng Thúy Liễu**